

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CONTAINER BẮC VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CONTAINER BẮC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC VIET CONTAINER MANUFACTURE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAC VIET CONTAINER MAS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108184909

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số nhà 6B, ngách 76, ngõ 515 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969 060 525

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc<br>Chi tiết: - Sản xuất thân xe, gồm cabin cho xe có động cơ; - Trang bị bên ngoài các loại xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; - Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc như: Cho vận chuyển hàng hoá: tàu chở dầu, cho vận chuyển hành khách: rơ moóc có mui; - Sản xuất container vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải. (không bao gồm hoạt động thiết kế) | 2920        |
| 2.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3311(Chính) |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khác không thuộc về điện; hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ; hệ thống máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi, thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                      | 4329        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, phế liệu kim loại và kim loại màu (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại. | 2511 |
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2512 |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2592 |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe chở khách; xe tải, bán romooc và xe giải trí; Cho thuê xe trộn bê tông không kèm người lái.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết : Cho thuê Contaier                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ TRUNG HIẾU   | Thôn Bắc Cường, Xã Thái Thượng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam            | 2.000.000.000         | 50,000    | 151674730                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC TOÀN | xóm Nam Sơn, Thị trấn Liễu Đề, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam             | 2.000.000.000         | 50,000    | 162873718                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ TRUNG HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151674730

Ngày cấp: 06/05/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bắc Cường, Xã Thái Thượng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 56/36/250 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội